



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Phía Nam: 240 HAU GIANG, P. 9, Q6, TP. HCM - ĐT: (08) 3969 0973 - FAX: (08) 3960 6814

Phía Bắc: D1, Khu D, KCN Phôi Nổi A, H. Văn Lâm, T. Hồng Yển - ĐT: (0321) 396 7868 - Fax: (0321) 396 7869

GIẢI BAIN PHỤ TÙNG CHO ONG - KEO DAI -

SAN PHAM KHAI C

COI HIEU LÖC TÖI NGAY 20-11-2011 NEN KHI THAY NÖI BANG GIÄI MÖI

Website: www.binhminholastic.com

Số TT	Tên Sản Phẩm	NV tính	Đơn giá (đồng)		Số TT	Tên Sản Phẩm	NV tính	Đơn giá (đồng)		Số TT	Tên Sản Phẩm	NV tính	Đơn giá (đồng)		
			Chờa thuế	Thanh toán				Chờa thuế	Thanh toán				Chờa thuế	Thanh toán	
	<u>Nối tròn (Plaint socket)</u>					<u>Nối ruit tròn (Reducing socket)</u>					<u>Nối ren trong (Plastic female thread socket)</u>				
1	21 day	Cái	1.600	1.760	26	27 x 21 day	Cái	2.100	2.310	54	21 day	Cái	1.600	1.760	
2	27 day	-	2.200	2.420	27	34 x 21 day	-	2.600	2.860	55	27 day	-	2.400	2.640	
3	34 day	-	3.700	4.070	28	34 x 27 day	-	3.000	3.300	56	34 day	-	3.700	4.070	
4	42 day	-	5.100	5.610	29	42 x 21 day	-	3.800	4.180	57	42 day	-	5.000	5.500	
5	49 day	-	7.900	8.690	30	42 x 27 day	-	4.000	4.400	58	49 day	-	7.400	8.140	
6	60 móng	-	3.400	3.740	31	42 x 34 day	-	4.600	5.060	59	60 day	-	11.600	12.760	
7	60 day	-	12.200	13.420	32	49 x 21 day	-	5.400	5.940	60	90 day	-	25.800	28.380	
8	75 móng	-	5.000	5.500	33	49 x 27 day	-	5.700	6.270		<u>Nối ren trong thau (Brass female thread socket)</u>				
9	75D TC	-	15.800	17.380	34	49 x 34 day	-	6.300	6.930	61	21 day	Cái	10.000	11.000	
10	90 móng	-	8.400	9.240	35	49 x 42 day	-	6.700	7.370	62	27 day	-	12.900	14.190	
11	90 day	-	25.000	27.500	36	60 x 21 day	-	8.100	8.910		<u>Nối ren ngoài (Plastic male thread socket)</u>				
12	110 TC	-	50.600	55.660	37	60 x 27 day	-	8.500	9.350	63	21 day	Cái	1.400	1.540	
13	110 day	-	51.300	56.430	38	60 x 34 day	-	9.300	10.230	64	27 day	-	2.100	2.310	
14	114 móng	-	16.400	18.040	39	60 x 42 móng	-	2.900	3.190	65	34 day	-	3.600	3.960	
15	114 day	-	52.800	58.080	40	60 x 42 day	-	9.800	10.780	66	42 day	-	5.200	5.720	
16	140 TC	-	83.200	91.520	41	60 x 49 móng	-	2.900	3.190	67	49 day	-	6.400	7.040	
17	160 TC	-	115.800	127.380	42	60 x 49 day	-	10.100	11.110	68	60 day	-	9.400	10.340	
18	168 TC	-	132.600	145.860	43	75 x 60 TC	-	9.800	10.780	69	90 day	-	21.500	23.650	
19	220 TC	-	370.200	407.220	44	90 x 49 day	-	20.100	22.110	70	114 day	-	41.900	46.090	
	<u>Khớp nối song (Barrel union)</u>				45	90 x 60 móng	-	7.400	8.140		<u>Nối ren ngoài thau (Brass male thread socket)</u>				
20	21	Bôi	7.200	7.920	46	90 x 60 day	-	20.500	22.550	71	21 day	Cái	15.200	16.720	
21	27	-	10.000	11.000	47	90 x 75 TC	-	17.800	19.580		<u>Nối ruit coiren (Threaded reducer)</u>				
22	34	-	14.100	15.510	48	114 x 60 móng	-	13.800	15.180	72	21 x RT 27 day	Cái	2.100	2.310	
23	42	-	17.300	19.030	49	114 x 60 day	-	40.400	44.440	73	27 x RT 21 day	-	2.000	2.200	
					50	114 x 90 móng	-	13.900	15.290	74	34 x RT 27 day	-	3.000	3.300	
	<u>Van (Valve)</u>				51	114 x 90 day	-	45.100	49.610	75	21 x RN 27 day	-	1.500	1.650	
24	21	Cái	13.700	15.070	52	168 x 114 TC	-	117.400	129.140	76	27 x RN 21 day	-	1.700	1.870	
25	27	-	16.100	17.710	53	220 x 168 TC	-	255.700	281.270	77	27 x RN 34 day	-	2.200	2.420	
	<u>Nối ruit coiren (Threaded reducer)</u>					<u>Cổ 45° (45° Elbow)</u>					<u>Nắp khóa (End cap)</u>				

78	34 x RN 21 day	Cai	2.900	3.190	111	21 day	Cai	1.900	2.090	143	21 day	Cai	1.200	1.320
79	34 x RN 27 day	-	3.100	3.410	112	27 day	-	2.800	3.080	144	27 day	-	1.400	1.540
	<u>Co 90° (90° Elbow)</u>				113	34 day	-	4.500	4.950	145	34 day	-	2.600	2.860
80	21 day	Cai	2.100	2.310	114	42 day	-	6.300	6.930	146	42 day	-	3.400	3.740
81	27 day	-	3.400	3.740	115	49 day	-	9.600	10.560	147	49 day	-	5.100	5.610
82	34 day	-	4.800	5.280	116	60 moing	-	4.900	5.390	148	60 day	-	8.700	9.570
83	42 day	-	7.300	8.030	117	60 day	-	14.800	16.280	149	90 day	-	20.500	22.550
84	49 day	-	11.400	12.540	118	75 TC	-	15.800	17.380	150	114 day	-	43.900	48.290
85	60 moing	-	6.800	7.480	119	90 moing	-	12.100	13.310		<u>Nắp khóa ren trong (Plastic female thread end cap)</u>			
86	60 day	-	18.200	20.020	120	90 day	-	33.900	37.290	151	27 day	-	1.400	1.540
87	75 moing	-	10.200	11.220	121	110 moing	-	26.300	28.930		<u>Nắp khóa ren ngoài (Plastic male thread end cap)</u>			
88	75 day	-	27.500	30.250	122	110 day	-	57.500	63.250	152	21 day	Cai	800	880
89	90 moing	-	16.800	18.480	123	114 moing	-	31.100	34.210	153	27 day	-	1.200	1.320
90	90 day	-	45.400	49.940	124	114 day	-	70.800	77.880	154	34 day	-	1.400	1.540
91	110 moing	-	35.000	38.500	125	140 moing	-	57.600	63.360		<u>Bích nòn (Single flange)</u>			
92	110 day	-	73.400	80.740	126	140 day	-	117.100	128.810	155	49 day	Cai	19.700	21.670
93	114 moing	-	39.400	43.340	127	160 moing	-	95.700	105.270	156	60 day	-	24.200	26.620
94	114 day	-	104.800	115.280	128	168 TC	-	134.300	147.730	157	90 day	-	45.100	49.610
95	140 moing	-	74.700	82.170	129	220 TC	-	302.900	333.190	158	114 day	-	69.900	76.890
96	160 moing	-	109.400	120.340		<u>Co ren ngoài (Plastic male thread Elbow)</u>					<u>Bích kẹp (Double flange)</u>			
97	168 moing	-	109.300	120.230	130	21 day	Cai	3.200	3.520	159	Bích 114 day	Boi	53.700	59.070
98	225 moing	-	360.000	396.000	131	27 day	-	4.000	4.400	160	Bích 168 day	-	113.000	124.300
	<u>Co ren trong thau (Brass female thread elbow)</u>				132	34 day	-	7.100	7.810	161	Bích 220 day	-	187.600	206.360
99	21 day	Cai	10.100	11.110	133	21 x RN 27D	-	3.500	3.850					
100	27 day	-	14.000	15.400	134	27 x RN 21D	-	4.000	4.400		<u>Con thoi (S-Bend)</u>			
101	21 x RT 27 day	-	13.100	14.410	135	34 x RN 21D	-	4.300	4.730	162	60 moing	Boi	31.400	34.540
102	27 x RT 21 day	-	11.000	12.100	136	34 x RN 27D	-	5.300	5.830	163	90 moing	-	49.100	54.010
103	34 x RT 21 day	-	13.800	15.180		<u>Co ren ngoài thau (Brass male thread Elbow)</u>					<u>Keo dán (Solvent cement)</u>			
	<u>Co 90° ruit (90° Reducing Elbow)</u>				137	21 day	Cai	13.900	15.290	164	25gr	Tuyip	3.600	3.960
104	27 x 21 day	Cai	2.400	2.640	138	27 day	-	32.900	36.190	165	50gr	-	6.300	6.930
105	34 x 21 day	-	3.300	3.630		<u>Co âm đồng (90° Elbow male - female)</u>				166	100gr	-	11.500	12.650
106	34 x 27 day	-	3.700	4.070	139	90 moing	Cai	21.000	23.100	167	200gr	Lon	29.800	32.780
107	42 x 27 day	-	5.300	5.830		<u>Co 3 nhánh 90° (90° three-socket elbow)</u>				168	500gr	-	54.100	59.510
108	42 x 34 day	-	6.100	6.710	140	21 day	Cai	2.800	3.080	169	1kg	-	100.900	110.990
109	90 x 60 moing	-	11.800	12.980	141	27 day	-	4.000	4.400	170	<u>Que hàn nhôm</u>	Kg	67.300	74.030
110	90 x 60 day	-	30.700	33.770	142	34 day	-	6.500	7.150		<u>(Welding rod)</u>			
	<u>Chòi T (Tee)</u>					<u>Chòi T ruit (Reducing tee)</u>					<u>Khởi thủy (Saddle)</u>			
171	21 day	Cai	2.800	3.080	201	27 x 21 day	Cai	3.400	3.740	235	110 x 49 day	Boi	75.400	82.940

172	27 day	-	4.600	5.060	202	34 x 21 day	-	5.200	5.720	236	114 x 49 day	-	68.600	75.460	
173	34 day	-	7.400	8.140	203	34 x 27 day	-	6.100	6.710	237	160 x 60 day	-	123.200	135.520	
174	42 day	-	9.800	10.780	204	42 x 21 day	-	7.400	8.140	238	168 x 60 day	-	104.300	114.730	
175	49 day	-	14.500	15.950	205	42 x 27 day	-	7.400	8.140	239	220 x 60 day	-	125.900	138.490	
176	60 mông	-	8.700	9.570	206	42 x 34 day	-	8.300	9.130						
177	60 day	-	24.900	27.390	207	49 x 21 day	-	9.800	10.780		<u>Khôi thủy dãn (Clamp on boss)</u>				
178	75 mông	-	13.800	15.180	208	49 x 27 day	-	10.600	11.660	240	90 x 49 mông	Cái	6.600	7.260	
179	75 day	-	37.000	40.700	209	49 x 34 day	-	11.700	12.870	241	114 x 60 mông	-	10.100	11.110	
180	90 mông	-	21.200	23.320	210	49 x 42 day	-	13.100	14.410		<u>Tối thông (Cross)</u>				
181	90 day	-	62.700	68.970	211	60 x 27 day	-	17.300	19.030	242	90	Cái	44.700	49.170	
182	110 mông	-	46.300	50.930	212	60 x 34 day	-	16.100	17.710	243	114	-	94.200	103.620	
183	110 day	-	103.600	113.960	213	60 x 42 day	-	18.000	19.800						
184	114 mông	-	48.700	53.570	214	60 x 49 day	-	20.500	22.550		<u>Co cong (Bend)</u>				
185	114 day	-	127.900	140.690	215	90 x 34 day	-	38.400	42.240	244	R500 - 114 TC	Cái	218.700	240.570	
186	140 mông	-	99.600	109.560	216	90 x 60 mông	-	16.000	17.600	245	R900 - 114 TC	-	302.900	333.190	
187	140 day	-	217.200	238.920	217	90 x 60 day	-	46.100	50.710						
188	168 mông	-	132.600	145.860	218	114 x 60 mông	-	27.000	29.700		<u>Nôi thông tác (Testing Socket)</u>				
	<u>T cong (90° turn lateral tee)</u>				219	114 x 60 day	-	84.500	92.950	246	90 mông	Cái	24.000	26.400	
189	60 mông	Cái	10.900	11.990	220	114 x 90 mông	-	33.700	37.070	247	114 mông	-	46.700	51.370	
190	90 mông	-	26.700	29.370	221	114 x 90 day	-	97.200	106.920		<u>Nắp này ống PEHD (End cap for PE pipe)</u>				
191	114 mông	-	50.700	55.770						248	20	Cái	600	660	
	<u>T cong âm đồng (90° turn lateral tee male - female)</u>					<u>Chòi Y - T 45° (Y - Tee 45°)</u>				249	25	-	600	660	
192	90 mông	Cái	31.800	34.980	222	34 day	Cái	8.300	9.130	250	29	-	600	660	
	<u>T cong kiểm tra mặt sau (Rear access junction)</u>				223	42 mông	-	6.100	6.710	251	32	-	700	770	
193	90 mông	Cái	27.300	30.030	224	60 mông	-	10.400	11.440	252	40	-	1.400	1.540	
194	114 mông	-	54.200	59.620	225	60 day	-	41.000	45.100	253	50	-	2.000	2.200	
	<u>Nắp T cong (Cap for rear access junction)</u>				226	90 mông	-	35.400	38.940	254	63	-	2.600	2.860	
195	90	Cái	4.600	5.060	227	110 mông	-	64.400	70.840	255	75	-	3.500	3.850	
196	114	-	8.700	9.570	228	114 mông	-	57.900	63.690	256	90	-	5.100	5.610	
	<u>T ren trong thau (Brass female thread tee)</u>				229	140 mông	-	143.300	157.630		<u>Bình xịt thuốc trừ sâu (Plastic sprayers)</u>				
197	27 day	Cái	12.200	13.420	230	168 mông	-	205.300	225.830	257	10 lít - BX 4	Cái	215.900	226.695	
	<u>T ren ngoài thau (Brass male thread tee)</u>					<u>Chòi Y rút - T45° rút (Reducing Y - Reducing tee 45°)</u>				258	5 lít - BX 5	-	194.500	204.225	
198	21 day	Cái	13.900	15.290	231	60 x 42 mông	Cái	9.800	10.780	259	1 lít - BX 3	-	68.500	71.925	
199	27 day	-	21.500	23.650	232	90 x 60 mông	-	20.600	22.660	260	1 lít - BX 3b	-	75.700	79.485	
	<u>T giảm cỡ ren (Thread reducing tee)</u>				233	114 x 60 mông	-	36.100	39.710	261	<u>Nón BHLŢ</u>		Cái	46.300	50.930
200	27 x RN 21 day	Cái	5.300	5.830	234	114 x 90 mông	-	43.800	48.180		<u>(Protective helmets)</u>				